

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 172/2022/DS-PT

Ngày: 28-12-2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng Dân sự
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Vân

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đạt Nguyên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Ông Trần Minh Công – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp: “Hợp đồng Dân sự vay tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 84/2022/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 387/2022/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 351/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị BD, sinh năm: 1981; cư trú tại thôn M 1, xã A, huyện X, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị XD, sinh năm: 1978; cư trú tại thôn M 2, xã A, huyện X, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Phạm HT, sinh năm: 2000; cư trú tại thôn HB, xã NH, huyện X, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 7943, quyền số 04/2022TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng NMA chứng nhận ngày 12/11/2022); có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà K'N, sinh năm 1994; cư trú tại thôn Lăng Tô, xã B, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ liên lạc: số 118, đường TBT, Phường C, Quận D, Thành phố Z; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị XD - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ghi ngày 12/4/2022, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của bà Lê Thị BD thì: Vào ngày 27/01/2019 bà cho bà Nguyễn Thị XD vay số tiền 100.000.000đ; thời hạn trả nợ là ngày 27/01/2020, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Đến ngày 21/3/2019 bà tiếp tục cho bà XD vay 110.000.000đ, thời hạn trả nợ là 04 tháng, lãi suất thỏa thuận là 6.000.000đ/tháng. Bà đã trực tiếp giao tiền cho bà XD và bà XD tự tay viết “Giấy mượn tiền”, đồng thời ký và viết tên trong 02 “Giấy mượn tiền” này.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đối với khoản vay ngày 27/01/2019 với số tiền 100.000.000đ thì bà XD chưa trả nợ gốc và nợ lãi. Đối với khoản vay ngày 21/3/2019 với số tiền 110.000.000đ, bà XD đã trả 10.000.000đ nợ gốc, nợ lãi chưa trả. Quá thời hạn nhưng bà XD không trả tiền theo như đã thỏa thuận. Vì vậy, nay bà có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà XD phải trả cho bà số tiền nợ gốc và nợ lãi cụ thể:

+ Khoản vay ngày 27/01/2019 số tiền gốc là 100.000.000đ x 0,83%/tháng x 40 tháng = 33.000.000đ.

+ Khoản vay ngày 21/3/2019 số tiền gốc là 100.000.000đ x 1,66%/tháng x 38 tháng = 63.000.000đ.

Tổng cộng gốc và lãi là 296.000.000đ, bà yêu cầu tính lãi suất đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

- Bà Nguyễn Thị XD thừa nhận có vay tiền của bà BD 02 lần, cụ thể:

Lần 1: Vào ngày 27/01/2019, bà có vay của bà BD số tiền là 100.000.000đ, vay giúp cho người khác, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 2.000đ/1.000.000đ/ngày nhưng hai bên không ghi vào “Giấy mượn tiền”, thỏa thuận thời hạn trả là 01 năm; số tiền gốc thì bà chưa trả cho bà BD; đối với tiền lãi thì bà đã trả được 12 tháng, mỗi tháng 6.000.000đ, thành tiền là 72.000.000đ nhưng khi trả tiền thì không yêu cầu bà BD viết giấy nhận tiền lãi nên không có văn bản giấy tờ gì.

Lần 2: Vào ngày 21/3/2019, bà vay tiếp của bà BD số tiền là 110.000.000đ, trong số nợ này bà đã trả 10.000.000đ nợ gốc, lãi suất thỏa thuận 6.000.000đ/tháng có ghi vào “Giấy mượn tiền”, thỏa thuận thời hạn trả là 04 tháng. Quá trình vay bà xác định còn nợ số tiền gốc là 100.000.000đ; đối với tiền lãi thì bà xác định cũng đã trả lãi được 12 tháng lãi, mỗi tháng 6.000.000đ, tổng là 72.000.000đ nhưng khi trả tiền lãi thì không yêu cầu bà BD viết giấy nhận tiền lãi nên không có văn bản giấy tờ gì để nộp cho Tòa án.

Nay bà xác định đã trả tổng số tiền lãi là 144.000.000đ, khi trả số tiền này thì bà XD đưa cho chị K’N, là người làm công, trả thay cho bà. Vì vậy, bà xác định chỉ còn nợ lại bà BD số tiền là 56.000.000đ.

Đối với bản chính “Giấy mượn tiền ngày 27/01/2019 và ngày 21/3/2019” mà nguyên đơn xuất trình cho Tòa án là do bà tự viết ra, ký nhận và ghi họ tên. Ngoài hai khoản nợ vay này thì không nợ bà BD khoản vay nào khác.

Nay bà BD khởi kiện yêu cầu bà phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi theo quy định của pháp luật cho đến khi giải quyết xong vụ án thì bà không đồng ý.

- Theo lời trình bày của chị K’N thì: trước đây, chị có làm việc cho bà Nguyễn Thị XD với công việc là nhân viên trong siêu thị mini bán thuốc tây từ cuối tháng 7/2017 đến tháng 02/2019. Trong khoảng thời gian chị làm việc, bà XD không đưa cho chị khoản tiền nào để trả cho bà BD. Việc bà XD cho rằng khi trả tiền cho bà BD, chị là người được đưa số tiền 144.000.000đ để trả cho bà BD là không đúng sự thật. Việc các bên vay tiền với nhau trả tiền với nhau như thế nào thì chị không biết nên không liên quan gì đến việc này.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 84/2022/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022; Toà án nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị BD về việc “*Tranh chấp về hợp đồng Dân sự vay tài sản*” với bà Nguyễn Thị XD.

Buộc bà Nguyễn Thị XD phải trả cho bà Lê Thị BD số gốc tiền là 200.000.000đ, tiền lãi suất là 71.158.500đ, tổng cộng là 271.158.500đ.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 03/10/2022 bà Nguyễn Thị XD có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng căn trừ số tiền 144.000.000đ mà bà đã thanh toán cho bà BD vào số nợ gốc.

Tại phiên tòa,

Bà Phạm HT, người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị XD, vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Bà Lê Thị BD đề nghị giải quyết như Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc bà Lê Thị BD khởi kiện yêu cầu Toa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị XD phải trả cho bà tiền nợ gốc và lãi đã vay theo các “Giấy mượn tiền ngày 27/01/2019 và 21/3/2019”. Bà XD cho rằng hiện nay chỉ còn nợ 56.000.000đ, không đồng ý trả số tiền như bà BD yêu cầu nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “*Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản*” là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị XD thì thấy rằng:

[2.1] Tại các “Giấy mượn tiền” thể hiện: vào ngày 27/01/2019 bà BD cho bà XD vay 100.000.000đ; thời hạn trả là ngày 27/01/2020, không thỏa thuận lãi suất; vào ngày 21/3/2019 bà BD tiếp tục cho bà XD vay 110.000.000đ; thỏa thuận thời hạn trả nợ từ ngày 21/3/2019 đến ngày 21/7/2019, có thể hiện lãi suất thỏa thuận là 6.000.000đ/tháng, có chữ ký và chữ viết của bà Nguyễn Thị XD trong 02 “Giấy mượn tiền” với bà BD. Quá trình giải quyết vụ án, bà XD cũng thừa nhận có việc vay tiền; ký nhận vào giấy mượn tiền do nguyên đơn xuất trình. Do đó, căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và có căn cứ xác định việc vay tiền giữa bà BD với bà XD là có xảy ra trong thực tế.

Quá trình giải quyết vụ án; bà XD cho rằng đã trả được 10.000.000đ tiền gốc của khoản vay ngày 21/3/2019, vấn đề này bà BD cũng thừa nhận. Đối với khoản nợ gốc còn lại là 200.000.000đ của hai khoản vay nói trên bà XD thừa nhận chưa trả cho bà BD nên cần buộc bà XD phải trả cho bà BD số tiền vừa nêu là có căn cứ.

Đối với tiền lãi thì bà XD cho rằng đã trả được 144.000.000đ thông qua chị K’N trả thay nên đề nghị cản trừ số tiền này vào nợ gốc. Tuy nhiên, chị K’N không thừa nhận; bà XD cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình, bà BD cũng không thừa nhận nên không có cơ sở để xem xét lời trình bày này của bà BD.

Vì vậy, cấp sơ thẩm tuyên buộc bà XD phải trả cho bà BD số tiền gốc và lãi là 271.158.500đ là phù hợp.

[2.2] Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 20/9/2022, bà Lê Thị BD rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng với khoản vay theo “Giấy mượn tiền ngày 21/3/2019”, xét đây là sự tự nguyện của đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật, tuy nhiên cấp sơ thẩm không đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này là có thiếu sót, vi phạm thủ tục tố tụng. Tuy vậy, việc thiếu sót này không lớn, không làm ảnh hưởng hoặc thay đổi bản chất của việc giải quyết vụ án nên cấp phúc thẩm tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung; Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm đối với vấn đề này.

[3] Từ những phân tích trên, bà Nguyễn Thị XD là người có đơn kháng cáo; tuy nhiên không xuất trình được chứng cứ nào mới so với các tài liệu, chứng cứ đã được Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà XD, giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[4] Về án phí: Bà XD phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho bà BD là: 13.557.925đ (271.158.500đ x 5%).

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà XD phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị XD, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị BD về việc “*Tranh chấp về hợp đồng Dân sự vay tài sản*” với bà Nguyễn Thị XD.

Buộc bà Nguyễn Thị XD phải trả cho bà Lê Thị BD số tiền 271.158.500đ (Hai trăm bảy mươi một triệu một trăm năm mươi tám nghìn năm trăm đồng); trong đó nợ gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), tiền lãi là 71.158.500đ (Bảy mươi một triệu một trăm năm mươi tám nghìn năm trăm đồng).

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Bà Lê Thị BD không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm; bà BD được nhận lại số tiền 6.665.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003121 ngày 19/4/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị XD phải chịu 13.557.925đ án phí Dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị XD phải chịu 300.000đ án phí Dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã tạm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010723 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện X, tỉnh Lâm Đồng. Bà XD đã nộp đủ án phí Dân sự phúc thẩm.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND huyện X (01);
- Chi cục THADS huyện X (01);
- Đường sự (03);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Châu Thạch